

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 967/QĐ-UBND

*Phú Yên, ngày 17 tháng 6 năm 2011*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội  
huyện Sơn Hòa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 122/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020;

Trên cơ sở các văn bản của UBND tỉnh Phú Yên: Thông báo số 746/TB-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2008 “Đồng ý lập Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Hòa”, Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2009 “Phê duyệt Đề cương - dự toán kinh phí dự án Quy hoạch... huyện Sơn Hòa”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại Tờ trình số 240/SKHĐT-TH ngày 25 tháng 4 năm 2011, kèm Biên bản 08/ ngày 28 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng Thẩm định dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Hòa),

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án quy hoạch, với những nội dung chính sau:

#### **A. ĐẶC ĐIỂM QUY HOẠCH**

**1. Tên:** Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Hòa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

**2. Chủ quy hoạch:** Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hòa.

#### **B. NỘI DUNG QUY HOẠCH**

## **I. Quan điểm phát triển**

- Phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Hòa phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, với các Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng Tây Nguyên, của tỉnh Phú Yên và của vùng miền núi Phú Yên.

- Phát huy tối đa các lợi thế nội lực, kết hợp với thu hút mạnh mẽ, sử dụng có hiệu quả các ngoại lực để thúc đẩy kinh tế huyện phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.

- Phát triển kinh tế bền vững, gắn tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng - an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc, chủ động phương án phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả, làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, xây dựng tuyến biên giới giáp ranh với các tỉnh Tây Nguyên ổn định và phát triển.

- Tiếp tục củng cố, xây dựng và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, coi trọng công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tin tưởng và chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.

- Tăng cường quan hệ hợp tác phát triển với các địa phương trong và ngoài tỉnh để tận dụng tốt mọi cơ hội, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế; trao đổi thông tin, kinh nghiệm, hỗ trợ nhau cùng phát triển.

## **II. Mục tiêu phát triển**

### **1. Mục tiêu tổng quát:**

Phát huy lợi thế về đất đai, điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, chú trọng phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế so sánh để sớm đưa Sơn Hòa trở thành địa phương giàu về kinh tế, vững về chính trị, đẹp về văn hóa - xã hội, mạnh về quốc phòng - an ninh; trở thành vùng kinh tế động lực vùng miền núi và cửa ngõ giao thương phía Tây của tỉnh Phú Yên với các tỉnh Tây Nguyên.

### **2. Mục tiêu cụ thể:**

- Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ; đưa ngành nông lâm nghiệp trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, phát triển kinh tế nhiều thành phần, ứng dụng đồng bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, đảm bảo hiệu quả và nâng cao tính cạnh tranh nền kinh tế.

- Đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, giải quyết hiệu quả việc làm cho người lao động, từng bước thu hẹp mức sống giữa các vùng, các cộng đồng dân cư; khắc phục hiện tượng di dân tự do; nâng cao mức sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

- Đầu tư phát triển, hoàn thiện kết cấu hạ tầng thị trấn Củng Sơn và một số xã lân cận (của huyện Sơn Hòa hiện tại) đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2015 và trở thành cấp thị xã trước năm 2020, là trung tâm động lực phát triển vùng miền núi tỉnh Phú Yên.

- Củng cố an ninh - quốc phòng, phát huy tình đoàn kết giữa các đồng bào dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tăng cường liên kết, hợp tác phát triển nội vùng và các địa phương lân cận nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng lợi thế, bổ sung kinh nghiệm cho nhau cùng phát triển.

### **III. Các chỉ tiêu chủ yếu**

#### **1. Các chỉ tiêu về kinh tế**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2011-2020: 13,8%/năm, trong đó giai đoạn 2011-2015: 12,2%/năm và giai đoạn 2016-2020: 15,4%/năm.

- Cơ cấu kinh tế: công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ năm 2015: 41,8% - 40,9% - 17,3%, chuyển sang công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp năm 2020: 54,8% - 26,8% - 26,4%.

- Giá trị gia tăng bình quân đầu người năm 2015 đạt 1.590 USD, năm 2020 đạt 3.000 USD.

- Thu ngân sách địa phương tăng bình quân giai đoạn 2011-2015: 20%/năm, giai đoạn 2016-2020: 25%/năm.

#### **2. Các chỉ tiêu về xã hội**

- Duy trì tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân hàng năm 1,1%, trong đó giai đoạn 2011-2015: 1,15%/năm, giai đoạn 2016-2020: 1,04%/năm.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành nghề, đến năm 2020 lao động nông nghiệp dưới 50% tổng lao động xã hội.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng năm 2015 còn 23%, năm 2020 dưới 15%; tăng tỷ lệ giường bệnh/vạn dân năm 2015: 25 giường và năm 2020: 30 giường; tỷ lệ bác sỹ/vạn dân năm 2015: 8,5 người, năm 2020: 15 người.

- Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở; phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập trung học phổ thông năm 2015, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2015: 35% (trong đó đào tạo nghề 29,4%) và năm 2020: 55% (trong đó đào tạo nghề 40%).

- Giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo xuống 7% năm 2015 (theo chuẩn giai đoạn 2011-2015) và đến năm 2020 cơ bản không còn hộ nghèo, ngăn chặn tái nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống cho các hộ nghèo, gia đình chính sách.

- Phần đầu đến năm 2015 có 95% hộ gia đình; 80% thôn, buôn; 60% xã và 100% cơ quan được công nhận đạt chuẩn văn hóa và tương ứng đến năm 2020: 98%; 85%, 70% và 100%.

### 3. Các chỉ tiêu về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng vào năm 2015: 46%; năm 2020: 50%.
- Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước máy năm 2015 xấp xỉ 100%.
- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh năm 2015: 90% và năm 2020 xấp xỉ 100%.

## IV. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực đến năm 2020

### 1. Các ngành kinh tế

#### 1.1. Công nghiệp - TTCN:

Phát triển với tốc độ cao để thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển, tốc độ tăng giá trị gia tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2020: 16%/năm, trong đó giai đoạn 2011-2015: 14%/năm và giai đoạn 2016-2020: 18%/năm.

a) Các ngành, sản phẩm công nghiệp chủ yếu: tập trung phát triển các ngành chủ lực có lợi thế: chế biến nông lâm sản, năng lượng, khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng...

- **Công nghiệp chế biến nông lâm sản:** nâng công suất Nhà máy đường KCP phù hợp với sự phát triển vùng nguyên liệu mía của huyện, phát triển các sản phẩm sau đường (cồn, rượu, bánh, kẹo, ván xốp, nhiệt điện từ nguồn phế phẩm, phân vi sinh...); gọi vốn đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến nông sản với quy mô hợp lý gắn với quy hoạch phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, ổn định;

- **Công nghiệp năng lượng:** phát huy tối đa công suất thiết kế Nhà máy thủy điện Sông Ba Hạ; sớm đưa Nhà máy điện Đồng Phát (Công ty KCP Việt Nam) đi vào hoạt động; đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Cà Lúi trên sông Cà Lúi, công suất 4 MW;

- **Công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản:** gọi vốn đầu tư các nhà máy: khai thác vàng (xã Sơn Phước), chế biến quặng bauxit (xã Sơn Long), sản xuất đá granit, đá bazan, khai thác và chế biến đá xây dựng...;

- **Công nghiệp sản xuất và phân phối nước:** nâng công suất nhà máy nước thị trấn Củng Sơn lên 5.000 - 8.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; xây mới nhà máy nước khu vực Vân Hòa công suất 3.000 - 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

- **Cơ khí sửa chữa:** khuyến khích đầu tư sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản...;

- **Tiểu thủ công nghiệp:** kêu gọi đầu tư phát triển nghề chế tác đá mỹ nghệ khu vực Đá Bàn (xã Sơn Xuân); khôi phục, phát triển làng nghề dệt thổ cẩm của đồng bào dân tộc (tại xã Suối Trai) vừa bảo tồn, phát triển ngành nghề thủ công truyền thống, vừa cung cấp

sản phẩm phục vụ phát triển du lịch; nghiên cứu du nhập các ngành nghề mới (trồng nấm, may mặc, thêu ren, đan lát từ bộ chuỗi, điện tử dân dụng,...) góp phần giải quyết việc làm cho người lao động.

b) Tổ chức lãnh thổ sản xuất công nghiệp, TTCN: Đẩy nhanh việc đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp-TTCN Ba Bản; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp-TTCN buôn Kiến Thiết (xã Ea Chàrang) với diện tích 8 - 10ha.

## 1.2. Nông - Lâm - Ngư nghiệp:

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, lựa chọn cơ cấu cây trồng, vật nuôi, biện pháp canh tác phù hợp để nâng cao hiệu quả sản xuất; tốc độ tăng giá trị gia tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2020: 6,8%/năm, trong đó, giai đoạn 2011-2015: 8,1%/năm, giai đoạn 2016-2020: 5,5%/năm.

### a) Nông nghiệp:

- **Trồng trọt:** Phát triển nhóm cây lương thực - thực phẩm đảm bảo an toàn lương thực; mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, xây dựng thành các vùng chuyên canh tập trung quy mô lớn, đảm bảo cung cấp đủ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến trên địa bàn và các vùng lân cận;

+ Cây lúa: mở rộng diện tích gieo trồng ở những khu vực có thủy lợi mới, chuyển đổi một số diện tích lúa bắp bệnh, kém hiệu quả sang trồng các loại cây màu; diện tích trồng đến năm 2020 khoảng 2.700 - 3.000ha và ổn định diện tích này;

+ Cây bắp: tận dụng tối đa đất nương rẫy để trồng ngô, mở rộng diện tích trồng đến năm 2020: 1.600 - 1.800ha và ổn định diện tích này;

+ Rau, đậu các loại: vận động nhân dân mở rộng diện tích, hình thành các vùng sản xuất rau sạch tập trung (tại khu vực thị trấn Củng Sơn và vùng lân cận); phấn đấu diện tích đến năm 2020: 2.200 - 2.500ha;

+ Cây mía: vẫn là cây trồng chủ lực, ổn định diện tích đến năm 2020 từ 8.000 - 8.500ha;

+ Cây sắn mì: cần tính toán chuyển đổi, dành quỹ đất trồng sắn hợp lý, ổn định diện tích đến năm 2020 khoảng 1.700 - 2.000ha;

+ Cây cao su: đây sẽ là một trong những cây công nghiệp chủ lực của Sơn Hoà trong những năm đến, phấn đấu diện tích đến năm 2020 khoảng 1.000ha;

+ Cây chè: khôi phục, phát triển lại diện tích chè (xã Sơn Long), khoảng 50ha;

+ Cây ăn quả: diện tích đến năm 2020: 350 - 500ha;

+ Cỏ chăn nuôi: tận dụng tối đa diện tích đất đai để mở rộng diện tích trồng cỏ, bố trí quỹ đất để trồng cỏ năng suất cao phục vụ phát triển chăn nuôi bò...;

+ Cây cà phê: do điều kiện tự nhiên không thuận lợi, hiệu quả kinh tế thấp; cần chuyển hết diện tích cà phê sang trồng các loại cây khác;

- **Chăn nuôi:** Điều chỉnh lại cơ cấu sản xuất theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi; phát triển quy mô đàn gia súc gia cầm, đầu tư khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng giống; tăng cường công tác thú y, phòng chống dịch bệnh;

+ Đàn bò: vẫn là vật nuôi chủ lực, phát triển theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp; đến năm 2020, tổng đàn bò: 30.000 - 35.000 con (tỷ lệ bò lai chiếm trên 80% tổng đàn);

+ Đàn heo: phát triển theo hướng nạc hóa, tăng khả năng sản xuất thịt; quy mô 2015: 8.500 con, năm 2020 đạt 10.000 - 15.000 con;

+ Đàn gia cầm: phát triển theo mô hình trang trại vừa và nhỏ; quy mô đến năm 2015: 90.000 con, năm 2020: 100.000 - 120.000 con;

+ Ngoài ra, trên cơ sở khai thác điều kiện đặc thù của từng vùng, tận dụng vườn nhà, vườn đồi, vườn rừng khuyến khích phát triển đa dạng các vật nuôi (ong lấy mật, dê, nai, nhím...), đáp ứng nhu cầu thị trường, đem lại hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập cho các hộ gia đình.

#### b) Lâm nghiệp:

- Tăng cường công tác chăm sóc và bảo vệ rừng; đẩy nhanh tốc độ trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tăng tỷ lệ che phủ của rừng năm 2015: 46% và năm 2020: 50%;

- Chú trọng phát triển rừng phòng hộ; khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển rừng sản xuất, mở rộng diện tích trồng rừng, tạo vùng nguyên liệu ổn định để phát triển các nhà máy chế biến sản phẩm từ nguyên liệu gỗ.

c) Nuôi trồng thủy sản: Tận dụng tối đa diện tích mặt nước, nhất là lòng hồ thủy điện Sông Ba Hạ, các hồ nước lớn để nuôi cá nước ngọt; dự kiến thả nuôi đến năm 2020 đạt 110ha.

d) Phát triển kinh tế trang trại: Hỗ trợ vốn, kỹ thuật và thị trường để kinh tế trang trại phát triển ổn định; đến năm 2020, toàn huyện có khoảng 500 trang trại hoạt động hiệu quả, quy mô bình quân từ 15-20 ha/trang trại.

e) Xây dựng nông thôn mới: Phân đầu đến năm 2015 có 2 xã (15,4%) đạt các nội dung của bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới; đến năm 2020 có 5 xã (38,5%) đạt bộ tiêu chí này.

### 1.3. Dịch vụ:

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển, đa dạng hóa các loại hình thương mại - dịch vụ và mở rộng mạng lưới giao dịch; tốc độ tăng giá trị gia tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2020: 23,2%/năm, trong đó: giai đoạn 2011-2015: 20,5% và giai đoạn 2016-2020: 26%.

#### a) Thương mại:

- Phát huy vai trò của trung tâm thương mại - dịch vụ thị trấn Củng Sơn. Phát triển mạnh thương mại tư nhân, hình thành mạng lưới các cửa hàng, điểm thu mua, bán hàng tại các đầu mối giao thông: trên trục miền Tây, các tuyến đường tỉnh, tại các thôn, vùng, trung tâm cụm xã...;

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường; thường xuyên phổ biến kịp thời thông tin thị trường đến từng hộ dân để định hướng sản xuất hiệu quả; tiếp tục thực hiện chính sách trợ cước, trợ giá một số mặt hàng thiết yếu;

- Đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại:

+ Kiên cố hóa và tổ chức khai thác có hiệu quả mạng lưới chợ nông thôn, phát triển chợ mới: cải tạo, đầu tư chiều sâu chợ Sơn Hòa đạt tiêu chuẩn chợ loại 2; cải tạo, khai thác có hiệu quả các chợ Sơn Nguyên (Trung Nguyên, xã Sơn Nguyên), chợ Suối Bạc (Tân Phú, xã Suối Bạc), chợ Ngân Điền (Ngân Điền, xã Sơn Hà); khôi phục và phát triển lại chợ Đồn (Vân Hòa, xã Sơn Long), từng bước phát triển thành trung tâm thương mại của huyện mới Vân Hòa; hỗ trợ đầu tư chợ tại các xã chưa có chợ (Phước Tân, Cà Lúi, Krông Pa, Sơn Xuân, Sơn Phước, Sơn Định, Suối Trai);

+ Di dời cửa hàng xăng dầu kinh doanh tổng hợp Sơn Hòa; đầu tư phát triển điểm bán mới tại: Ngã tư Cây Me/QL25 (thị trấn Củng Sơn), KM54/QL25 (xã Ea Chàrang), KM51/QL25 (xã Ea Chàrang), Đá Bàn (xã Sơn Nguyên), trung tâm các xã: Sơn Hội, Sơn Định, Sơn Long và nội thị thị trấn Củng Sơn;

- Khuyến khích, kêu gọi xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị tại khu vực thị trấn Củng Sơn và vùng phụ cận (Suối Bạc, Sơn Nguyên...).

b) Dịch vụ:

- Khuyến khích xây dựng các khách sạn, nhà hàng, cửa hàng, cửa hiệu tại trung tâm huyện, trung tâm các xã;

- Chú trọng phát triển dịch vụ tài chính, dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp, bảo hiểm, tín dụng nhân dân, dịch vụ internet, dịch vụ thông tin, tư vấn, đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm;

- Khai thác các trục giao thông lớn: trục miền Tây, đường Đông Trường Sơn, quốc lộ 25, các tuyến đường tỉnh... để phát triển các loại hình dịch vụ vận tải, trung chuyển hàng hóa...

c) Du lịch: Từng bước xây dựng Sơn Hòa trở thành tâm điểm phát triển du lịch của vùng miền núi Phú Yên mà trọng tâm là khu đô thị du lịch, trung tâm nghỉ dưỡng vùng cao nguyên Vân Hòa gắn với di tích lịch sử đền thờ Bác Hồ, hội trường mùa Xuân;

- Đầu tư phát triển vùng cao nguyên Vân Hòa trở thành trung tâm nghỉ dưỡng;

- Kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư các điểm du lịch: khu vực vùng hồ thủy điện Sông Ba Hạ; Thác Hàn (thôn Xuân Sơn, xã Sơn Xuân); khu bảo tồn thiên nhiên Krôngtrai (xã Krôngpa); vực Đá Nhà, hồ Vân Hòa, hồ Suối Phèn (xã Sơn Long);

- Bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa: đền thờ Bác Hồ, di tích Hội trường mùa Xuân (xã Sơn Định)... kết hợp với phát triển du lịch văn hóa, tham quan lịch sử, về nguồn;

- Nghiên cứu lựa chọn một số buôn, làng của đồng bào các dân tộc để đầu tư phát triển thành làng du lịch văn hóa; khôi phục làng nghề dệt thổ cẩm của đồng bào dân tộc (xã Suối Trai) nhằm đa dạng hóa hoạt động du lịch.

## **2. Các lĩnh vực xã hội - môi trường**

### **2.1. Dân số, lao động, việc làm, giảm nghèo:**

- Tiếp tục hạ thấp tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, quản lý chặt chẽ hiện tượng di dân tự do; thực hiện tốt chính sách đoàn kết dân tộc và các chính sách xã hội; cải thiện chất lượng cuộc sống, môi trường làm việc và điều kiện sinh thái;

- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm dần lao động nông nghiệp, đến năm 2020 lao động nông nghiệp dưới 50%;

- Mỗi năm giải quyết việc làm mới cho khoảng 1.100 - 1.200 lao động (gồm cả lao động mới và lao động chuyển từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp);

- Triển khai hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, nâng cao mức sống các hộ đã thoát nghèo, hạn chế tái nghèo, hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn bà con làm kinh tế...;

**2.2. Giáo dục - Đào tạo:** Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho giáo dục, đào tạo, nâng cao dân trí; mở rộng hệ thống các trường mầm non đến địa bàn các xã; mở rộng đào tạo nghề nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động; tăng tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng.

- Huy động trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ năm 2015: 30%; năm 2020: 45%; trẻ từ 3 - 5 tuổi vào lớp mẫu giáo đạt 80% năm 2015 và 90% năm 2020; trẻ 5 tuổi vào lớp mẫu giáo đạt 98% năm 2015 và 100% vào năm 2020; trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% năm 2015; học sinh trong độ tuổi 11 - 14 đến trường THCS đạt 98% năm 2015 và 99% năm 2020; học sinh trong độ tuổi 15 - 17 đến trường THPT đạt 60% năm 2015 và 70% năm 2020.

- Phân đầu trước năm 2012, 100% giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn sư phạm; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt: 20% năm 2015 và năm 2020 trên 44%.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trường trung cấp nghề thanh niên dân tộc thiểu số Phú Yên (đồng thời, sáp nhập Trung tâm Dạy nghề Sơn Hòa vào trường này); thành lập và xây mới Trung tâm Dạy nghề Vân Hòa.

2.3. Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng: Đầu tư cải thiện mạng lưới y tế, nâng cao chất lượng đội ngũ y bác sĩ, quan tâm chăm sóc sức khỏe nhân dân, mở rộng y tế cộng đồng, xóa bỏ cơ bản các bệnh truyền nhiễm, tiêm đủ vắc xin cơ bản cho trẻ em, mở rộng bảo hiểm y tế, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế:

- Đến năm 2015, có 100% trạm y tế xã có bác sĩ và cử nhân điều dưỡng; tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế năm 2015 là 70%, đến năm 2020 đạt 100%;

- Cải tạo, phát triển Bệnh viện đa khoa Sơn Hòa thành Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi, tăng quy mô lên 80 giường vào năm 2015 và 120 giường vào năm 2020; xây dựng mới bệnh viện đa khoa (tại xã Sơn Long), quy mô khoảng 50 giường sau năm 2015.

2.4. Văn hóa thông tin - thể dục thể thao: Nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của người dân, từng bước xóa bỏ các hủ tục, mê tín dị đoan; đưa các hoạt động thể dục thể thao vào công sở, trường học và các địa bàn dân cư, phát triển các phong trào toàn dân rèn luyện thể thao.

- Xây mới trụ sở, đầu tư hiện đại trang thiết bị đài phát thanh tiếp phát sóng truyền hình huyện; đầu tư xây dựng Đài phát thanh - truyền hình khu vực miền núi (tại thị trấn Củng Sơn); xây dựng Trung tâm Văn hóa thông tin - Thể thao huyện; 100% xã có sân vận động và trung tâm văn hóa; 100% thôn (buôn) có nhà văn hóa thôn (hoặc nhà rộng văn hóa)...

- Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa: đền thờ Bác Hồ, Hội trường mùa Xuân (xã Sơn Định), nhà tù Trà Khê (xã Sơn Hội)... gắn với các hoạt động phát triển du lịch văn hóa, tham quan lịch sử, về nguồn.

- Gắn kết hoạt động thể thao với lễ hội truyền thống của địa phương, với du lịch để thu hút đông đảo các đối tượng tham gia.

### **3. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng**

#### **3.1. Hệ thống giao thông - vận tải.**

a) Mạng lưới giao thông đối ngoại: Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải đẩy nhanh đầu tư nâng cấp quốc lộ 25; kiến nghị tỉnh đầu tư cải tạo, mở rộng các tuyến đường tỉnh qua địa bàn Sơn Hòa: ĐT643, ĐT646, ĐT650, ĐT642 nâng cao hiệu quả trục miền Tây; đầu tư tuyến giao thông liên xã Xuân Phước - Kỳ Lộ - Phú Hải; kiến nghị đầu tư kéo dài tuyến ĐT646 từ xã Phước Tân (huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên), nối đến xã Đất Bằng (huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai).

b) Mạng lưới giao thông nội vùng: tiếp tục đầu tư củng cố mạng lưới giao thông nội vùng, đảm bảo đến năm 2020; 100% đường nội thị, huyện lộ được nhựa hoá và xã lộ được bê tông hóa.

- **Đường đô thị:** Tiếp tục đầu tư chỉnh trang, nâng cấp các tuyến đường trong thị trấn Củng Sơn; lập quy hoạch, đầu tư các tuyến giao thông tại các khu vực xã Sơn Long, xã Tân Hội;

- **Đường huyện:** đầu tư: tuyến ĐT648 (đoạn Ngân Điền-Vân Hòa; đoạn nối ĐT648 đến khu du lịch sinh thái Sơn Nguyên); tuyến đường tránh ĐT646 dài 3 km, qua thôn Tân Hòa (xã Sơn Phước); tuyến ĐT648-Hố Thắm-quốc lộ 25; tuyến Thác Cò-Tĩnh Sơn và kéo dài đến Thủy điện Sông Ba Hạ; tuyến nối ĐT648 đến thác Hàn (xã Sơn Xuân) dài 4 km; tuyến tránh ĐT643 (đoạn qua trung tâm xã Sơn Long), dài 1 km; tuyến nối ĐT643 đến khu du lịch Hòn Đất (xã Sơn Định), dài 5 km; tuyến nối ĐT646 đến khu du lịch Vực Thí (xã Sơn Hội), dài 5 km; đoạn nối xã lộ 20 (tại xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa) với ĐT643 (tại xã An Thọ, huyện Tuy An và xã Sơn Xuân, huyện Sơn Hòa);

- **Đường xã, đường thôn:** đầu tư mới: tuyến nối ngã ba thôn Ngân Điền-khu quy hoạch cụm văn hóa, thể thao xã Sơn Hà, dài 4 km; tuyến nối ĐT648 (tại xưởng cưa 6 Liễu) với quốc lộ 25 (gần UBND xã Sơn Hà), dài 1,5 km (xã Sơn Hà); tuyến nối ĐT646 với hồ Ba Vỡ; tuyến buôn Ma Nhe-câu Tân Hiên/ĐT646, dài 20 km (xã Sơn Phước); tuyến nối ĐT648 đến xã Sơn Long, dài 4 km; tuyến nối ĐT648 đến suối Lỗ Bàn, dài 5 km (xã Sơn Xuân); tuyến nối Tân Hội-Tân Hợp (xã Sơn Hội); tuyến nối thôn Đá Bàn - đồng Bà My, dài 4km; tuyến nối thôn Đá Bàn đến suối Canh, dài 4 km; tuyến Suối Đá-Gia Trụ-Đá Bàn-Hòn Ông, dài 5 km (xã Phước Tân); tuyến nối trung tâm xã đến buôn Đoàn Kết, dài 5 km (xã Suối Trai);

- **Giao thông nội đồng:** 100% tuyến đường được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện, phục vụ vận chuyển hàng nông sản;

- **Hệ thống bến, bãi đỗ xe:** di dời, xây mới bến xe trung tâm huyện Sơn Hòa; xây mới bến xe Sơn Long; phát triển hệ thống các trạm dừng dọc các tuyến quốc lộ 25, trục miền Tây, các tuyến đường tỉnh, tại khu vực đô thị để phát triển xe buýt công cộng; bố trí quỹ đất hợp lý để xây dựng các bãi đỗ xe tại thị trấn Củng Sơn và vùng lân cận.

### 3.2. Hệ thống thủy lợi:

Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi: trạm bơm Buôn Thu, hồ chứa nước Hóc Bò Túi, Mạch Dứa, Tân Hiên, Tổng Bình, Hố Duối, Suối Vực, Suối Gấu, hồ Đồng Cầu... đảm bảo đến năm 2020 có 65 - 70% diện tích cây trồng hàng năm được tưới; kiến nghị tỉnh hỗ trợ đầu tư kè Sông Ba tại thôn Thạnh Hội (xã Sơn Hà), đoạn khu phố Đông Hòa - khu phố Tây Hòa (dài  $\approx$  5 km khu vực thị trấn Củng Sơn).

### 3.3. Hệ thống cấp, thoát nước và xử lý rác thải:

- **Cấp nước:** Nâng công suất nhà máy nước thị trấn Củng Sơn lên 8.000 - 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đồng thời cải tạo, mở rộng hệ thống đường ống đến các xã lân cận: Suối Bạc, Sơn Hà; xây mới nhà máy nước tại Sơn Long công suất từ 3.000m<sup>3</sup> - 5.000m<sup>3</sup>/ngày; lồng ghép các dự án đầu tư cấp nước sạch (Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch

và vệ sinh môi trường nông thôn với các Chương trình 134, 135...); xây mới, cải tạo, nâng cấp công trình nước sạch tại các trung tâm (cụm xã, xã), các vùng tập trung dân cư, các khu vực khó khăn nguồn nước; phấn đấu đến năm 2020 cơ bản 100% hộ dân nông thôn được dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh;

- **Thoát nước:** chú trọng đầu tư hệ thống thoát nước tại thị trấn Củng Sơn, các thị trấn dự kiến thành lập, các điểm dân cư nông thôn, điểm công nghiệp, các cơ sở y tế, chợ, cơ sở sản xuất công nghiệp, các hộ gia đình... đảm bảo xử lý các chất thải độc hại theo quy định trước khi thải vào nguồn tiếp nhận;

- **Xử lý rác thải:** xây mới bãi rác tập trung của huyện tại khu phố Trung Hòa (thị trấn Củng Sơn), quy mô bình quân 10 - 15ha; hình thành các trạm trung chuyển thu gom sơ cấp tại các thị tứ, trung tâm cụm xã, các cụm dân cư quy mô bình quân 0,5 - 1 ha/trạm.

### 3.4 Hệ thống bưu chính - viễn thông:

- **Bưu chính:** Phát triển mạng bưu cục và điểm phục vụ tại các xã, thị trấn theo các tuyến quốc lộ 25, trục giao thông miền Tây, ĐT648, ĐT642, ĐT643...; xây dựng bưu điện cấp huyện tại xã Sơn Long; phát triển dịch vụ tiết kiệm bưu điện, dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ trả lương hưu, các dịch vụ viễn thông (phát hóa đơn, thu cước, tiếp nhận yêu cầu cung cấp dịch vụ),... tại các bưu điện xã, bưu cục;

- **Viễn thông:** Mở rộng mạng lưới đến tất cả các thôn, các cụm công nghiệp, khu du lịch, khu dân cư... tăng tỷ lệ sử dụng điện thoại/100 dân năm 2015: trên 30 máy/100 dân, năm 2020: trên 45 máy/100 dân; đưa hệ thống internet đi vào đời sống kinh tế - xã hội, đến năm 2015, các cơ quan hành chính từ cấp huyện đến cấp xã được kết nối với mạng internet; 100% cán bộ, công chức, viên chức biết sử dụng internet; tỷ lệ dân số biết sử dụng internet năm 2015 đạt 20% và năm 2020: 28%.

### 3.5 Hệ thống lưới điện:

Đầu tư cải tạo hoàn thiện hệ thống lưới điện theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, tiếp tục mở rộng lưới điện đến các xã, thôn theo phương châm “đường đến đâu, lưới điện quốc gia đến đó”; phấn đấu trước năm 2015 có xấp xỉ 100% hộ được sử dụng điện.

## 4. Phát triển khoa học công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống; xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ đủ mạnh đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, thúc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất; lựa chọn phát triển một số công nghệ trọng điểm: công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ cơ khí, công nghệ chế biến...

## 5. Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường

Tiếp tục phòng ngừa ô nhiễm, tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học, chú trọng sử dụng hợp lý, tiết kiệm các tài nguyên thiên nhiên: sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; cải thiện môi trường, tăng cường bảo vệ và phát triển rừng, nghiêm cấm phá rừng; tăng cường bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên nhân văn; không chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

## **6. Đảm bảo quốc phòng - an ninh**

a) Về quốc phòng: xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; ổn định dân cư các địa bàn xung yếu, vùng giáp ranh; xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ liên hoàn, vững chắc; quan tâm đẩy mạnh công tác phát triển Đảng trong lực lượng vũ trang, lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

b) Về an ninh: giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; nắm vững tình hình, chủ động giải quyết tranh chấp mâu thuẫn nội bộ nhân dân, không để xảy ra điểm nóng; đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; truy quét, tấn công trấn áp tội phạm, từng bước đẩy lùi tệ nạn xã hội; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch đối với nhà nước.

## **7. Tổ chức không gian phát triển kinh tế xã hội**

### **7.1. Hình thành các vùng kinh tế:**

- **Vùng đô thị và khu vực lân cận phía Đông** (gồm: thị trấn Củng Sơn và 6 xã: Suối Bạc, Sơn Hà, Sơn Nguyên, Sơn Long, Sơn Xuân, Sơn Định): đầu tư phát triển thị trấn Củng Sơn và một số xã lân cận đạt tiêu chí, đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2015 và trở thành cấp thị xã trước năm 2020, là trung tâm động lực phát triển vùng miền núi tỉnh Phú Yên; đồng thời, đầu tư phát triển xã Sơn Long đạt tiêu chí đô thị loại V vào sau năm 2015 và trở thành cấp thị trấn huyện lỵ vào trước năm 2020; *định hướng phát triển chủ yếu*: đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, đẩy mạnh phát triển hoạt động thương mại, dịch vụ (cung ứng vật tư, tài chính tín dụng, bảo hiểm, vận tải, cơ khí, khách sạn nhà hàng, thông tin liên lạc internet...), hình thành các cơ sở công nghiệp chế biến; xây dựng cơ cấu kinh tế vùng đến năm 2020 là dịch vụ-công nghiệp-nông nghiệp.

- **Vùng nông thôn, miền núi phía Tây** (gồm 7 xã: Sơn Phước, Ea Chàrang, Suối Trai, Krông Pa, Sơn Hội, Cà Lúi, Phước Tân): là vùng điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao; hình thành *trung tâm tiểu vùng*: phía Bắc, phát triển khu vực thôn Tân Hội (xã Sơn Hội), phía Nam, phát triển buôn Kiến Thiết (xã Ea Chàrang); *định hướng phát triển chủ yếu*: chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giảm dần khoảng cách giữa thành thị và nông thôn; hình thành các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung (mía, sắn, cao su...), cùng với đầu tư bảo vệ, tu bổ, khoanh nuôi rừng, phát triển công nghiệp rừng, chăn nuôi đại

gia súc, phát triển các mô hình kinh tế đặc thù (trang trại vườn rừng, trang trại chăn nuôi...).

7.2. Đầu tư phát triển hệ thống đô thị, các điểm dân cư nông thôn: chú trọng, ưu tiên đi trước công tác lập quy hoạch xây dựng gắn với đầu tư hạ tầng.

- Đầu tư phát triển hệ thống đô thị: tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng, đáp ứng nhu cầu cộng đồng về thụ hưởng các tiện ích, tiện nghi phúc lợi đô thị; xây dựng, tạo lập không gian cảnh quan kiến trúc có bản sắc văn hóa, phù hợp đặc điểm khí hậu môi trường vùng miền.

+ Thị trấn Củng Sơn: tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thị trấn Củng Sơn đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2015, tạo tiền đề trở thành cấp thị xã (Củng Sơn) trước năm 2020; trở thành trung tâm chính trị, hành chính kinh tế văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật-công nghệ, y tế, giáo dục, đào tạo, thương mại dịch vụ, du lịch cấp huyện và là trung tâm động lực phát triển vùng miền núi tỉnh Phú Yên;

+ Khu vực xã Sơn Long: đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển, đạt tiêu chí đô thị loại V vào sau năm 2015 và trở thành cấp thị trấn huyện lỵ (Vân Hòa) vào trước năm 2020; trở thành trung tâm chính trị, hành chính kinh tế văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật-công nghệ, y tế, giáo dục, đào tạo, thương mại dịch vụ, du lịch cấp huyện; có vị trí trọng yếu về an ninh quốc phòng;

+ Khu vực thôn Tân Hội (xã Sơn Hội): đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phát đạt tiêu chí đô thị loại V vào trước năm 2025 và trở thành cấp thị trấn huyện lỵ (Sơn Hòa mới) vào năm 2025, tạo bước đột phá, động lực phát triển nhanh khu vực phía Tây và Tây Bắc huyện Sơn Hòa (hiện tại);

+ Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hỗ trợ phát triển, hình thành các thị tứ tại: thôn Phú Sơn (xã Krông Pa); buôn Xây Dựng (xã Suối Trai); thôn Tân Hòa (xã Sơn Phước); thôn Suối Bạc (xã Suối Bạc), buôn Kiến Thiết (xã Ea Chàrang).

- Đầu tư phát triển điểm dân cư nông thôn: tổ chức quy hoạch, thực hiện phân bố dân cư dân, chú trọng việc lựa chọn địa điểm dân cư nhằm phòng giảm ảnh hưởng thiên tai, hình thành khu-điểm dân cư theo mô hình nông thôn mới, tiến tới hình thành xã nông thôn mới gắn với các dự án, các công trình quan trọng (Nhà máy Thủy điện Sông Ba Hạ, ...), các dự án lâm nghiệp, các cụm tiểu thủ công nghiệp nhằm thuận tiện trong sản xuất, sinh sống, khai thác hiệu quả kinh tế và nguồn lực tại chỗ; các điểm dân cư mới được bố trí gần các trục tuyến giao thông chính của vùng, nhưng quy hoạch xây dựng phải có đường gom song hành, giảm giao cắt với tuyến chính (ĐT650, ĐT642, ĐT643, ĐT648, ĐT646, đường liên xã, liên thôn).

7.3. Phát triển đơn vị hành chính:

Trên cơ sở đầu tư, hình thành các vùng kinh tế, hệ thống đô thị, các điểm dân cư nông thôn, chuẩn bị tiền đề khi đủ điều kiện lập đề án trình Chính phủ xem xét việc điều chỉnh địa giới, hình thành các đơn vị hành chính mới:

a) Cấp huyện:

- Thành lập huyện mới Vân Hòa (khoảng năm 2015; phụ thuộc nếu có luận sớm về đại DA SDB) trên cơ sở các xã: An Xuân, An Lĩnh, An Thọ (huyện Tuy An) và Sơn Long, Sơn Định, Sơn Xuân (huyện Sơn Hòa); trung tâm huyện lỵ tại xã Sơn Long;

- Thành lập thị xã Củng Sơn (khoảng năm 2020): trên cơ sở đầu tư nâng cấp thị trấn Củng Sơn, xã Sơn Hà, Suối Bạc, Sơn Nguyên;

- Thành lập huyện Sơn Hòa mới (khoảng năm 2020): gồm các xã: Sơn Hội, Sơn Phước, Phước Tân, Cà Lúi, Ea Chàrang, Krông Pa, Suối Trai; trung tâm huyện lỵ dự kiến đặt tại xã Sơn Hội.

b) Cấp xã:

- Đầu tư nâng cấp Ngân Điền thành thị tứ (khoảng năm 2012);

- Thành lập các xã mới (khoảng năm 2015) trên cơ sở điều chỉnh địa giới hành chính: 3 xã Suối Trai, Sơn Phước, Ea Chàrang;

- Thành lập thị trấn Sơn Long (huyện lỵ Vân Hòa; khoảng năm 2020) trên cơ sở đầu tư hạ tầng xã Sơn Long và một số thôn của 2 xã: Sơn Định, Sơn Xuân;

- Đầu tư nâng cấp, điều chỉnh địa giới hành chính, thành lập các xã, phường mới khi Củng Sơn trở thành thành thị xã (khoảng năm 2020): phường Suối Bạc trên cơ sở xã Suối Bạc; phường Sơn Hà trên cơ sở xã Sơn Hà và xã Sơn Nguyên.

**8. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư:** xem Phụ lục kèm Quyết định này.

**9. Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện quy hoạch**

9.1 Giải pháp về huy động vốn đầu tư:

- **Nhu cầu vốn đầu tư:** nhu cầu vốn đầu tư phát triển kinh tế xã hội Sơn Hòa giai đoạn 2011-2020 ước khoảng 9.268 tỷ đồng (413 triệu USD), bình quân mỗi năm đầu tư 927 tỷ đồng; tỷ trọng đầu tư các ngành: ngành công nghiệp - xây dựng: 50 - 52%; nông lâm thủy sản: 18 - 20%; ngành dịch vụ và cơ sở hạ tầng: 30 - 32% tổng vốn đầu tư.

- **Nguồn huy động:** ngân sách nhà nước và nguồn ODA: Dự kiến chiếm khoảng 30 - 35%; vốn doanh nghiệp, vốn trong dân và FDI: chiếm khoảng 40 - 45%; nguồn vốn tín dụng và các nguồn khác: chiếm khoảng 15 - 20% tổng vốn đầu tư.

9.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

Duy trì, củng cố chương trình xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, THCS, tiếp tục thực hiện phổ cập giáo dục THPT; khuyến khích, có cơ chế hỗ trợ phù hợp cho giáo viên đến công tác lâu dài tại huyện; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất giáo dục; phát triển, hoàn thiện mạng lưới dạy nghề.

### 9.3. Giải pháp về phát triển khoa học công nghệ:

Tăng cường sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành, UBND huyện về phát triển khoa học công nghệ; tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển và tăng gia hoạt động khoa học - công nghệ; đẩy mạnh việc tuyển chọn và gửi cán bộ khoa học - công nghệ có đủ năng lực và phẩm chất tốt thuộc các lĩnh vực ngành nghề ưu tiên phát triển đi đào tạo; thực hiện chế độ đãi ngộ; cải thiện phương tiện, trang bị làm việc cho cán bộ khoa học - công nghệ; thu hút sự giúp đỡ, tư vấn và hợp tác của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đào tạo nhân lực khoa học - công nghệ trình độ cao và liên kết thực hiện các công trình khoa học - công nghệ.

### 9.4. Giải pháp về bảo vệ môi trường:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường; xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường; tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; đầu tư nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường.

### 9.5. Giải pháp liên kết, hợp tác với các địa phương lân cận:

Củng cố và phát triển các mối quan hệ hợp tác, liên kết giữa Sơn Hòa với các huyện, thị xã, thành phố trong và ngoài tỉnh trên các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; phát triển du lịch; đầu tư xây dựng các tuyến giao thông liên huyện, kêu gọi, xúc tiến đầu tư, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh quốc phòng.

### 9.6. Giải pháp về phát triển vùng nguyên liệu:

Xây dựng vùng nguyên liệu tập trung gắn với phát triển công nghiệp chế biến kết hợp tăng hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích; tăng cường mối quan hệ gắn kết giữa Nhà nước, Nhà doanh nghiệp, Nhà khoa học và Nhà nông nhằm tăng quy mô, đảm bảo chất lượng và sản lượng vùng nguyên liệu; giải quyết bài toán yếu tố đầu vào và đầu ra cho doanh nghiệp và người nông dân.

### 9.7. Giải pháp về nâng cao năng lực quản lý hành chính:

Tiếp tục kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước các cấp, thực hiện sâu rộng cơ chế “một cửa”, tăng cường đào tạo, luân chuyển cán bộ, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước.

### 9.8. Giải pháp về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần:

Tạo điều kiện phát huy tối đa sự phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện. Khuyến khích các hộ nông dân, chủ trang trại và các thành phần kinh tế đầu tư phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân, khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết giữa hợp tác xã với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân.

### 9.9. Giải pháp về chính sách:

Sơn Hòa là huyện miền núi còn nhiều khó khăn, thời gian tới tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, Tỉnh đã ban hành thực hiện trên địa bàn; đồng thời phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh tiến hành rà soát để sửa đổi, bổ sung một số chính sách cho đồng bộ, phù hợp với thực tiễn.

## **V. Tầm nhìn phát triển kinh tế xã hội huyện Sơn Hòa đến năm 2030**

### **1. Quan điểm và mục tiêu phát triển đến năm 2030**

- Phát triển kinh tế xã hội Sơn Hòa đến năm 2030 được thực hiện theo hướng phân đầu xấp xỉ đạt các mục tiêu của tỉnh trong giai đoạn phát triển đến năm 2030.

- Đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, phát triển Củng Sơn thành đô thị loại IV - cấp thị xã, có bản sắc đặc trưng đô thị “phố núi”, mang vai trò trung tâm động lực phát triển vùng miền núi; xây dựng huyện Sơn Hòa (hiện tại) ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại, cửa ngõ giao thương phía Tây của tỉnh Phú Yên.

### **2. Định hướng phát triển tổng quát một số chỉ tiêu, ngành, lĩnh vực chủ yếu sau năm 2020**

- VA/người của Sơn Hòa vào năm 2030 xấp xỉ so với bình quân cả tỉnh.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch từ: công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ trước năm 2020 sang cơ cấu: công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, đến năm 2030, tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp chiếm trên 80% tổng giá trị gia tăng.

- Công nghiệp-TTCN: Duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đưa công nghiệp Sơn Hòa trở thành cực phát triển khu vực phía Tây của tỉnh; nghiên cứu xây dựng khu công nghiệp trên địa bàn huyện theo hướng gắn các trục giao thông: trục miền Tây, các quốc lộ, trục Đông Trường Sơn, quy mô 1.000 - 2.000ha.

- Dịch vụ: đa dạng hóa các hoạt động thương mại, phát triển các loại hình dịch vụ có giá trị tăng cao, khai thác tiềm năng du lịch sinh thái, nhân văn góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Nông lâm ngư nghiệp: đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại, kinh tế lâm nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ vào các khâu sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa hướng tới một nền nông nghiệp sạch, toàn diện.

- Các lĩnh vực xã hội: không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, gia tăng phúc lợi, an sinh xã hội; giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiếp thu những giá trị văn hóa mới, tiên bộ.

- Kết cấu hạ tầng: tiếp tục đầu tư chiều sâu kết cấu hạ tầng đáp ứng tốt nhu cầu phát triển.

- Tăng cường công tác bảo vệ và trồng rừng, tăng độ che phủ của rừng; ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, xây dựng nếp sống vệ sinh ở nông thôn; đảm bảo quốc phòng - an ninh.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch**

- UBND huyện Sơn Hòa: chịu trách nhiệm tổ chức công bố Quy hoạch sau khi phê duyệt; phổ biến, vận động nhân dân nâng cao nhận thức tầm quan trọng của quy hoạch, tự giác tham gia thực hiện quy hoạch; lập, thực hiện kế hoạch cụ thể hóa quy hoạch các giai đoạn 5 năm, hàng năm; tăng cường thường xuyên kiểm tra, rà soát, cập nhật, đề xuất - kiến nghị hiệu chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện để phù hợp thực tiễn.

- Các sở, ban, ngành liên quan: theo từng chức năng, phối hợp, hướng dẫn, tạo điều kiện UBND huyện Sơn Hòa thực hiện Quy hoạch này.

**Điều 3.** Các ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan liên quan; chủ dự án quy hoạch (UBND huyện Sơn Hòa) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Cự**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2011 của UBND tỉnh Phú Yên)

### BIỂU - Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	
					2011-2015	2016-2020
<b>A</b>	<b>CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG (nguồn vốn ngân sách, ODA, đóng góp của nhân dân)</b>					
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>					
1	Nâng cấp, mở rộng QL25	Đoạn qua địa bàn huyện	39 km	472	472	
2	Trục giao thông miền Tây (ĐT646)			61	61	
3	Đường cứu hộ, cứu nạn tránh lũ Tuy An - Sơn Hòa (ĐT643)	Các xã: An Mỹ - Sơn Định	31 km	316	316	
4	Đường cứu hộ, cứu nạn tránh lũ Tuy An - Sơn Hòa (ĐT650)	Các xã: An Định - Sơn Long	8,3 km	100		100
5	Tuyến giao thông liên xã Xuân Phước - Kỳ Lộ - Phú Hải	Các xã: Phước Tân-Sơn Hội-Cà Lúi-Ea Chàrang	60 km	2.475	2.475	
6	Nhựa hóa/bê tông hóa các tuyến đường huyện	Toàn huyện	71,5 km	100	40	60
7	Bê tông hóa các tuyến đường xã	Toàn huyện	129,74 km	130	65	65
8	Giao thông nội đồng, đường vào các điểm du lịch: Sơn Nguyên, thác Nguyễn Xuân, thác Hàn, Hòn Đất, Vực Thí	Các xã	60 km	60	30	30
9	Di dời và xây mới bến xe huyện	thị trấn Củng Sơn	1-2 ha	10	10	
<b>II</b>	<b>Thủy lợi</b>					
1	Hồ chứa nước Suối Vực	Xã Suối Bạc	tưới 2.500 ha	158	158	

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	
					2011-2015	2016-2020
2	Hồ Tân Hiền		tưới 350 ha	40		40
3	Thủy lợi sau Thủy điện sông Ba Hạ	Xã Suối Trai	110 ha	12		12
4	Trạm bơm Buôn Lé	Xã Krông Pa		44	44	
5	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi khác	Toàn huyện		200	100	100
6	Chống sạt lở bờ sông Ba	Thị trấn Củng Sơn, xã Sơn Hà	10 km	30	30	
<b>III</b>	<b>Kết cấu hạ tầng phát triển công nghiệp</b>					
1	Kết cấu hạ tầng điểm công nghiệp Ba Bản	Xã Sơn Hà	10 -15 ha	10	10	
2	Kết cấu hạ tầng điểm công nghiệp Kiến Thiết	Xã Ea Chàrang	8 -10 ha	7	7	
3	Kết cấu hạ tầng các làng nghề dệt thổ cẩm, đá mỹ nghệ	Các xã: Suối Trai, Sơn Xuân		10		10
<b>IV</b>	<b>Kết cấu hạ tầng lưới điện</b>					
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện	Toàn huyện		50	20	30
<b>V</b>	<b>Kết cấu hạ tầng y tế</b>					
1	Đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa Sơn Hòa thành bệnh viện đa khoa khu vực miền núi	Thị trấn Củng Sơn	120 giường bệnh	30	10	20
2	Xây mới Bệnh viện đa khoa Sơn Long	Xã Sơn Long		40		40
3	Đầu tư các trạm y tế xã	Các xã, thị trấn	đạt chuẩn quốc gia	150	50	100
<b>VI</b>	<b>Kết cấu hạ tầng giáo dục đào tạo</b>					
1	Đầu tư kiên cố hoá trường lớp, tăng cường trang thiết bị dạy và học. Xây mới các trường	Các xã, thị trấn	đạt chuẩn quốc gia	100	50	50

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	
					2011-2015	2016-2020
2	Xây mới trường trung cấp Nghề thanh niên dân tộc miền núi (đồng thời sáp nhập trung tâm Dạy nghề huyện vào trường này)	Xã Suối Bạc	1.500-2.000 học sinh	47	47	
3	Xây mới Trung tâm dạy nghề Vân Hòa	Khu vực Vân Hòa	400-500 học sinh	20		20
<b>VII</b>	<b>Kết cấu hạ tầng văn hóa - thể thao</b>					
1	Trung tâm văn hóa thể thao huyện	Thị trấn Củng Sơn	5-7 ha	10	10	
2	Trung tâm văn hóa thể thao các xã	Toàn huyện	1 ha/trung tâm	26	14	12
<b>VIII</b>	<b>Kết cấu hạ tầng cấp thoát nước và xử lý rác thải</b>					
1	Bãi rác thị trấn	Thị trấn Củng Sơn	10-15 ha	15	15	
2	Nâng công suất nhà máy nước Củng Sơn và mở rộng hệ thống đường ống đến các khu dân cư lân cận	Thị trấn Củng Sơn	5000-8000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	20	20	
3	Nhà máy nước vùng Cao nguyên Vân Hòa	Xã Sơn Long	3000-5000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	15		15
4	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch và HVS tập trung các xã	Toàn huyện	năm 2020: 100% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch và HVS	100	50	50
+	Hệ thống cấp nước tự chảy	Hồ thủy điện Suối Trai		22	22	
+	Hệ thống cấp nước sạch	Các tuyến Suối Bạc 1, 2, 3		2	2	
+	Các công trình còn lại	Toàn huyện		76	26	50
<b>IX</b>	<b>Kết cấu hạ tầng phát triển đô thị</b>					
1	Kết cấu hạ tầng nâng Sơn Hòa lên đô thị loại IV	Thị trấn Củng Sơn		500	100	400

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	
					2011-2015	2016-2020
2	Xây dựng kết cấu hạ tầng thị trấn Sơn Long	Khu vực Vân Hòa		250		250
<b>B</b>	<b>CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH (nguồn vốn từ các thành phần kinh tế, tín dụng, thương mại)</b>					
1	Thủy điện Cà Lúi	Cà Lúi	4 MW	200		200
2	Nhà máy điện Đồng Phát		16 MW	400	400	
3	Nhà máy khai thác Vàng	Xã Sơn Phước		25	25	
4	Nhà máy chế biến quặng Bauxit	Xã Sơn Long		140	140	
5	Nhà máy khai thác và chế biến đá xây dựng, đá mỹ nghệ	Xã Sơn Xuân	3 -5 ha	5	5	
6	Dệt thổ cẩm Suối Trai	Xã Suối Trai	1.000 –2.000 sp/năm	8		8
7	Xây dựng vùng chuyên canh cây cao su	các xã: Sơn Long, Sơn Định, Sơn Xuân, Sơn Hội...	1.000 ha	10	10	
8	Nhà máy chế biến mũ cao su	Các xã: Sơn Định, Sơn Long, Sơn Hội	5.000 –6.500 tấn/năm	100	50	50
9	Trồng rừng kinh tế	Các xã	5.000-10.000 ha	15	10	5
10	Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy		30.000-50.000 tấn/năm	1500	1000	500
11	Cải tạo và phát triển đàn bò	Toàn huyện	30.000-35.000 con. tăng tỷ lệ bò lai lên trên 80% tổng đàn năm 2020	40	20	20
12	Nhà máy chế biến súc sản, thịt bò đóng hộp		3.000 – 5.000 tấn sp/năm	50	50	
13	Xây dựng vùng nguyên liệu cây ăn quả	Toàn huyện	800-1000ha	10	5	5
14	Nhà máy sản xuất chuối ép, chuối khô, mít khô, nước hoa quả...		2.000 – 4.000 tấn sp/năm	30	10	20

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	
					2011-2015	2016-2020
15	Nhà máy chế biến phân vi sinh		1.000tấn / năm	120	60	60
16	Nâng cấp chợ trung tâm Củng Sơn	Thị trấn Củng Sơn		3	3	
17	Khôi phục chợ Đồn (chợ đầu mối nông sản)	Xã Sơn Long	8000-12000 m <sup>2</sup> /chợ	4	4	
18	Xây dựng mới 7 chợ: Phước Tân, Cà Lúi, Krông Pa, Sơn Xuân, sơn Phước, sơn Định, Suối Tra	Các xã	3000 - 3500 m <sup>2</sup> /chợ	14	14	
19	Trung tâm thương mại, siêu thị kinh doanh tổng hợp	Thị trấn Củng Sơn		30		30
20	Nâng cấp mở rộng NM đường KCP Sơn Hòa	Thị trấn Củng Sơn	8000 tấn mía/ngày	50	20	30
21	Nuôi thủy sản nước ngọt lòng hồ thủy điện sông Ba Hạ	Xã Ea Chàrang	110ha	10	10	
22	Điểm du lịch lòng hồ thủy điện sông Ba Hạ.	Xã Ea Chàrang		100	50	50
23	Khu du lịch sinh thái cao nguyên Vân Hòa	Khu vực Vân Hòa		100	40	60
24	Khu du lịch sinh thái Sơn Nguyên	Xã Sơn Nguyên		20	20	
25	Hệ thống các nhà hàng, khách sạn	Toàn huyện		30	15	15
26	Các điểm du lịch thị trấn Củng Sơn và vùng lân cận: suối Thá....	Thị trấn Củng Sơn, xã Suối Bạc		15	15	
27	Các điểm du lịch khu vực xã Sơn Long và vùng lân cận: vực Đá Nhà, hồ Vân Hòa, hồ Suối Phèn, thác Hàn, đền thờ Bác Hồ, hội trường Mùa Xuân, di tích nhà tù Trà Kê...	Các xã: Sơn Long, Sơn Xuân, Sơn Định		40	20	20